

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2022/HS-PT
Ngày: 23 – 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tân.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên;
Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Kiến Toàn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 135/2022/HSPT, ngày 08 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo H. T. K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2022/HS-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

H. T. K, sinh năm: 1973 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: tổ 2, ấp T. Đ, xã T. L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông H. N. A và bà Đ. T. B (chết); có vợ: T. T. N. B (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2002.

Hiện bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: bà Bùi Thị Kim Hườn – Luật sư của văn phòng luật sư Đông Thuận - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long bào chữa cho bị cáo H. T. K – có mặt.

Bị hại: ông P. T. Đ, sinh năm 1963. (chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1/ Ông P. V. S, sinh năm 1930.

2/ Bà H. T. Đ, sinh năm 1942

- 3/ Chị P. T. L, sinh năm 1982
- 4/ Chị P. T. B. B, sinh năm 1984
- 5/ Anh P. T. T sinh năm 1994.
- 6/ Anh P. T. D, sinh năm 1986.
- 7/ Anh P. T. T, sinh năm 1988
- 8/ Bà N. T. H, sinh năm 1964

Cùng cư trú: tổ 7, ấp T. Đ, xã T. L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà Đ, chị L, chị B B, anh T, anh D, anh T là bà N. T. H (văn bản ủy quyền ngày 27/6/2022) - có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: ông Nguyễn Quốc Huy là luật sư của Công ty Luật TNHH Chân Hoàng và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ - có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 25/5/2022 sau khi sử dụng rượu, bia tại quán Trúc Huệ thuộc tổ 10, ấp H. B, xã N. V. T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì H. T. K điều khiển xe mô tô biển số 64K1- 120.01 từ trong quán Trúc Huệ chạy ngang qua lộ 908 để sang lề bên phải theo hướng quốc lộ 1A về hướng quốc lộ 54. Khi đó, K chở ông P. T. Đ ngồi phía sau, nhưng do thiếu quan sát nên Kiệt va chạm vào xe mô tô biển số 64K1-234.15 do anh N. H. C điều khiển chở anh T. P. T chạy theo hướng từ quốc lộ 1A về hướng quốc lộ 54. Tai nạn xảy ra, khiến 02 xe và người ngã văng xuống lộ. Riêng ông P. T. Đ bị thương nặng được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. Đến ngày 26/5/2022 gia đình thấy thương tích ông Đ quá nặng không thể điều trị được, nên gia đình làm thủ tục cho ông Đ xuất viện về nhà. Sau đó, ông Đ tử vong tại nhà.

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông, biên bản xác định hướng xe đi và điểm đụng cùng với Bản kết luận lỗi của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, xác định:

- Nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn là do H. T. K điều khiển xe mô tô biển số 64K1- 120.01 chạy ngang qua lộ mà không chú ý quan sát 02 bên đường, làm cản trở xe từ 02 hướng chạy tới gây tai nạn là vi phạm vào khoản 23 Điều 8 của

Luật Giao thông đường bộ: *“Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ”*.

- H. T. K điều khiển xe mô tô biển số 64K1- 120.01 mà trong máu có nồng độ cồn là *0,319 miligam/1 lít khí thở*, vi phạm vào khoản 1 Điều 35 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đã sửa đổi bổ sung khoản 8 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ: *“Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”*.

- H. T. K điều khiển xe mô tô biển số 64K1- 120.01 không có giấy phép lái xe theo quy định, vi phạm vào khoản 9 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ: *“Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định”*.

- Đối với anh N. H. C điều khiển xe mô tô đi đúng phần đường quy định, nhưng trong máu có nồng độ cồn là *0,245 miligam/1 lít khí thở*, vi phạm vào khoản 1 Điều 35 của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đã sửa đổi bổ sung khoản 8 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ: *“Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”*.

Căn cứ kết luận của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long kết luận: nguyên nhân tử vong của ông P. T. Đ do chấn thương sọ não. (BL: 74, 75)

Qua điều tra, H. T. K thừa nhận hành vi điều khiển xe mô tô chở ông P. T. Đ gây tai nạn làm ông Đ tử vong như đã nêu. (BL: 136-155)

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với H. T. K, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra cho đến nay.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã giải quyết được như sau:

- Đối với 01 xe mô tô biển số 64K1- 120.01; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tên N. V. T, sinh năm: 1967 ngụ tổ 05, ấp T. H, xã T. T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long thì đây là xe Kiệt mua của N. V. T nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Xe này không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc nên không đặt ra xem xét việc thanh toán bảo hiểm. Cơ quan điều tra đang tạm giữ xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe để chờ xử lý.

- Đối với xe mô tô biển số 64K1-234.15 của ông N. H. C có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện, nhưng ông không yêu cầu Công ty bảo hiểm Bưu Điện bồi thường.

- Đối với ông N. H. C khi điều khiển xe mô tô biển số 64K1-234.15 mà trong máu có nồng độ cồn. Công an huyện Bình Tân đã ra quyết định xử phạt hành chính

với số tiền 2.500.000 đồng, tước giấy phép lái xe hạng A1 trong thời hạn 11 tháng và đã trả lại xong cho ông 01 xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 64K1- 234.15.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra còn sao chép đĩa DVD 01 đoạn ghi hình thời điểm xảy ra tai nạn. (BL: 22)

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bà N. T. H (là vợ và là người đại diện hợp pháp của P. T. Đ) yêu cầu K bồi thường chi phí điều trị, mai táng, tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 220.000.000 đồng. K đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì chị H yêu cầu K bồi thường tiếp tục số tiền còn lại là 215.000.000 đồng. (BL: 95, 97, 110).

Đối với ông N. H. C và ông T. P. T thì tai nạn xảy ra 2 ông bị xây sát nhẹ. Không yêu cầu K bồi thường đối với thương tích của mình. Ông N. H. C đã tự nguyện hỗ trợ chi phí điều trị, mai táng đưa tiền cho bà H với số tiền 5.000.000 đồng. (BL: 96, 98, 99)

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2022/HS- ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo H. T. K phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H. T. K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 591, 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho phía gia đình bị hại tổng số tiền 171.527.931 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi một đồng). Bị cáo được khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Như vậy, bị cáo còn phải bồi thường số tiền 167.527.931 đồng (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi một đồng).

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.376.000 đồng (Tám triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý về vật chứng, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03/10/2022, bị cáo H. T. K có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo và xem xét giảm nhẹ mức bồi thường thiệt hại cho phía gia đình bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng trình bày như sau:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: sau khi án sơ thẩm xét xử, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm mức bồi thường. Bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị hại là bà N. T. H yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự về điều luật và căn cứ áp dụng. Đề nghị áp dụng các điểm a,b khoản 2 Điều 260; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H. T. K từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù; tính từ ngày chấp hành thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho bà H số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Luật sư Bùi Thị Kim Hườn bào chữa cho bị cáo trình bày: bị cáo và bị hại có mối quan hệ là bà con thân thiết, bị hại tử vong là nỗi đau mất mát của gia đình nạn nhân và kể cả bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu và lỗi vô ý. Bản thân bị cáo bị bệnh mãn tính và hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng là áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, để cho bị cáo được hưởng án treo. Đồng thời ghi nhận việc bà H đồng ý giảm số tiền bồi thường xuống còn 100.000.000 đồng.

Bị cáo H. T. K trình bày: bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án sơ thẩm. Bị cáo bị bệnh và gia đình khó khăn nên xin được hưởng án treo và bồi thường xin giảm xuống 100.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H trình bày: tại phiên tòa sơ thẩm xử 02 năm 06 tháng tù là tương xứng, vì bị cáo không có thiện chí bồi thường thiệt hại cho gia đình bà H. Tại cấp phúc thẩm đại diện bị hại đồng ý giảm tiền bồi thường xuống còn 100.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo.

Bà N. T. H trình bày: đồng ý giảm số tiền bồi thường 67.000.000 đồng, bị cáo chỉ phải bồi thường thêm số tiền 100.000.000 đồng. Về phần hình phạt cho bị cáo, bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo không ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H.T. K khai nhận: khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 25/5/2022 trên tỉnh lộ 908 thuộc tổ 10, ấp Hòa Bình, xã N. V. T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 64K1- 120.01 chở ông P. T. Đ chạy ngang qua lộ 908 để sang lề phải theo hướng từ quốc lộ 1A về hướng quốc lộ 54. Do có sử dụng bia rượu lại không chú ý quan sát 2 bên đường, nên xe của bị cáo va chạm vào xe mô tô do ông C điều khiển chở ông T. Tai nạn xảy ra làm ông P. T. Đ tử vong. Do đó, việc cấp sơ thẩm quy kết bị cáo H. T. K, phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo các điểm a, b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi điều khiển xe mô tô, bị cáo chuyển hướng sang lề bên phải, nhưng do thiếu quan sát va chạm với xe của ông C, hậu quả làm ông Đ tử vong. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến tính mạng của bị hại, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại không gì bù đắp được. Tình hình tai nạn giao thông hiện nay xảy ra càng ngày càng phức tạp có chiều hướng không giảm, do không chấp hành nghiêm luật giao thông, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, trong đó có bị cáo, cho nên cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo; đồng thời, còn răn đe những trường hợp tương tự có thể xảy ra, nhằm góp phần tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm xảy ra ở địa phương.

[3] Khi quyết định hình phạt Tòa án sơ thẩm đã có xem xét đối với bị cáo sau khi phạm tội đã bồi thường thiệt hại được 1 số tiền, khắc phục một phần hậu quả theo yêu cầu phía gia đình bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cấp sơ thẩm đã áp dụng là không nặng, tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm do bị cáo thực hiện. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin được hưởng án treo.

Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm mức bồi thường xuống còn 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà N. T. H đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý với yêu cầu của bị cáo, bà chấp nhận cho bị cáo chỉ phải bồi thường thêm số tiền

109.000.000 đồng, trừ 9.000.000 đồng (5.000.000 đồng đã nhận trực tiếp và 4.000.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B), còn lại phải bồi thường 100.000.000 đồng. Xét thấy việc này là sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một đơn kháng cáo của bị cáo, để sửa án sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo H. T. K và sửa phần bồi thường thiệt hại Bản án sơ thẩm số: 40/2022/HS-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H. T. K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về bồi thường thiệt hại: áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 591, khoản 1, khoản 2 Điều 601 của bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận việc bị cáo H. T. K và bà N. T. H thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại. Trong đó, bị cáo K phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tất cả các khoản cho bà H tổng cộng số tiền 109.000.000 đồng, được trừ 9.000.000 đồng (trong đó 5.000.000 đã nhận và 4.000.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B – theo biên lai số: 0006200, ngày 13/9/2022), còn phải bồi thường tiếp 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, khoản 2 Điều 23 các Điều 26,27 và 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo H. T. K phải nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H. T. K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- VKSND H.B: 01;
- TAND H.BT 02;
- CQTHADS H.B : 01;
- CQTHAHS H.B: 01;
- TG, BC: 02;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01;
- UBND xã T. L: 01;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thành Tân